|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**    Số: 2619/QĐ-BKHCN | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2020* |

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ Quỹ gen cấp Quốc gia thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

##### BỘ TRƯỞNG

##### BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

*Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BKHCN ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý thực hiện Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2017/TT-BKHCN;*

*Căn cứ Quyết định số 2257/QĐ-BKHCN ngày 20/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ về Quỹ gen cấp quốc gia thực hiện từ năm 2021;*

*Xét kết quả làm việc của các Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế - Kỹ thuật và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục đặt hàng sáu (06) nhiệm vụ khoa học và công nghệ Quỹ gen cấp Quốc gia lĩnh vực dược liệu thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 bắt đầu thực hiện từ năm 2021.

(Chi tiết 06 nhiệm vụ trong phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế – Kỹ thuật phối hợp với Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Văn phòng Các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước tổ chức các Hội đồng khoa học và công nghệ tuyển chọn/xét chọn và Tổ thẩm định nội dung và kinh phí các nhiệm vụ nêu tại Điều 1 theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Các Ông/Bà Vụ trưởng Vụ Khoa học và công nghệ các ngành Kinh tế – Kỹ thuật, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Lưu VT, KHTC (ĐG). | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Phạm Công Tạc** |

***Phụ lục***

**DANH MỤC ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KH&CN QUỸ GEN CẤP QUỐC GIA THUỘC CHƯƠNG TRÌNH BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG NGUỒN GEN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

*(Kèm theo Quyết định số 2619/QĐ-BKHCN ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

| **TT** | **Tên nhiệm vụ** | **Định hướng mục tiêu** | **Yêu cầu đối với kết quả\*** | **Phương thức tổ chức thực hiện** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Đề tài** |  |  |  |  |
| 1. | Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen hai loài Viễn chí *Polygala tenuifolia* Willd. và *P. japonica* Houtt. làm dược liệu. | Khai thác và phát triển được nguồn gen hai loài Viễn chí *Polygala tenuifolia* Willd. và *P. japonica* Houtt. làm dược liệu. | - Báo cáo đặc điểm nông sinh học và giá trị của 02 nguồn gen Viễn chí *Polygala tenuifolia* Willd. và *P. japonica* Houtt.;  - 02 quy trình kỹ thuật sản xuất giống từ hạt của 02 loài Viễn chí;  - 02 quy trình kỹ thuật sản xuất dược liệu từ 02 loài Viễn chí theo hướng dẫn GACP-WHO;  - Tiêu chuẩn cơ sở của hạt giống và cây giống của 02 loài Viễn chí;  - Tiêu chuẩn cơ sở dược liệu của 02 loài Viễn chí (có chỉ tiêu định lượng thành phần hóa học chính);  - Mô hình sản xuất giống Viễn chí với công suất 20.000 cây giống/loài/năm: 300m2/loài;  - Mô hình sản xuất dược liệu của 02 loài Viễn chí: 01 ha/loài;  - Dược liệu Viễn chí đạt tiêu chuẩn cơ sở: 100 kg/loại;  - 03 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành. | Tuyển chọn |  |
| 2. | Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cây thuốc Tế tân lá tim (*Asarum cordifolium* C.E.C. Fisher). | Khai thác và phát triển được nguồn gen Tế tân lá tim làm dược liệu. | - Báo cáo đặc điểm nông sinh học và giá trị của nguồn gen Tế tân lá tim (*Asarum cordifolium* C.E.C. Fisher);  - Quy trình kỹ thuật sản xuất giống Tế tân lá tim bằng 2 phương pháp hữu tính và vô tính;  - Quy trình kỹ thuật sản xuất dược liệu Tế tân lá tim theo hướng dẫn GACP-WHO;  - Tiêu chuẩn cơ sở của hạt giống và cây giống Tế tân lá tim;  - Tiêu chuẩn cơ sở của dược liệu Tế tân lá tim (có chỉ tiêu định lượng thành phần hóa học chính);  - Mô hình sản xuất giống Tế tân lá tim với công suất 50.000 cây giống/năm: 1.000m2;  - Mô hình sản xuất dược liệu Tế tân lá tim: 02 ha;  - Dược liệu Tế tân lá tim đạt tiêu chuẩn cơ sở: 500 kg;  - 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành. | Tuyển chọn |  |
| 3. | Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cây thuốc Hoàng cầm (*Scutellaria baicalensis* Georgi) và Nần nghệ (*Dioscorea collettii* Hook.f.). | Khai thác và phát triển được 02 nguồn gen Hoàng cầm và Nần nghệ làm dược liệu. | - Báo cáo đặc điểm nông sinh học và giá trị của 02 nguồn gen Hoàng cầm (*Scutellaria baicalensis* Georgi) và Nần nghệ (*Dioscorea collettii* Hook.f.);  - Quy trình kỹ thuật sản xuất giống Hoàng cầm từ hạt, Nần nghệ từ mầm củ và từ hạt;  - Quy trình kỹ thuật sản xuất 02 loại dược liệu Hoàng cầm và Nần nghệ theo hướng dẫn GACP-WHO;  - Tiêu chuẩn cơ sở của hạt giống, cây giống Hoàng cầm và Nần nghệ;  - Tiêu chuẩn cơ sở của 02 loại dược liệu Hoàng cầm và Nần nghệ (có chỉ tiêu định lượng thành phần hóa học chính);  - Mô hình sản xuất giống 1.000 m2/loại với công suất:  + Hoàng cầm: 150.000 cây giống/năm;  + Nần nghệ: 75.000 cây giống/năm;  - Mô hình sản xuất dược liệu Hoàng cầm và Nần nghệ: 01 ha/loại;  - Dược liệu đạt tiêu chuẩn cơ sở: 500 kg/loại;  - 03 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành. | Tuyển chọn |  |
| 4. | Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cây thuốc Riềng ấm (*Alpinia zerumbet* (Pers.) B.L.Burtt & R.M.Sm.). | Khai thác và phát triển được nguồn gen Riềng ấm làm dược liệu. | - Báo cáo đặc điểm nông sinh học và giá trị của nguồn gen Riềng ấm (*Alpinia zerumbet* (Pers.) B.L.Burtt & R.M.Sm.);  - Quy trình kỹ thuật sản xuất giống Riềng ấm từ hạt;  - Quy trình kỹ thuật sản xuất dược liệu Riềng ấm theo hướng dẫn GACP-WHO;  - Tiêu chuẩn cơ sở của hạt giống và cây giống Riềng ấm;  - Tiêu chuẩn cơ sở của dược liệu Riềng ấm (có chỉ tiêu định lượng thành phần hóa học chính);  - Mô hình sản xuất giống Riềng ấm công suất 30.000 cây giống/năm: 1.000m2;  - Mô hình sản xuất dược liệu Riềng ấm: 02 ha;  - Dược liệu Riềng ấm đạt tiêu chuẩn cơ sở: 200 kg;  - 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành. | Tuyển chọn |  |
| **II** | **Dự án SXTN** |  |  |  |  |
| 5. | Sản xuất thử nghiệm giống và dược liệu hữu cơ Cát sâm (*Callerya speciosa* (Champ. ex Benth.) Schot). | - Hoàn thiện được quy trình kỹ thuật sản xuất giống và dược liệu hữu cơ từ nguồn gen Cát sâm;  - Xây dựng được mô hình sản xuất giống và dược liệu Cát sâm được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ. | - Quy trình kỹ thuật sản xuất hạt giống và cây giống Cát sâm từ hạt;  - Quy trình kỹ thuật sản xuất dược liệu hữu cơ Cát sâm;  - Tiêu chuẩn cơ sở của hạt giống và cây giống Cát sâm;  - Tiêu chuẩn cơ sở của dược liệu Cát sâm (có chỉ tiêu định lượng thành phần hóa học chính);  - Mô hình sản xuất cây giống đạt tiêu chuẩn cơ sở với công suất 100.000 cây giống/năm: 5.000m2;  - Mô hình sản xuất dược liệu Cát sâm phù hợp với các quy định về sản xuất nông nghiệp hữu cơ: 10 ha;  - Dược liệu Cát sâm đạt tiêu chuẩn cơ sở được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ: 10 tấn. | Tuyển chọn |  |
| 6. | Sản xuất thử nghiệm giống và dược liệu từ nguồn gen Nghệ trắng (*Curcuma aromatica* Salisb.). | - Hoàn thiện được quy trình kỹ thuật sản xuất giống và dược liệu từ nguồn gen Nghệ trắng;  - Xây dựng được mô hình sản xuất giống và dược liệu Nghệ trắng. | - Quy trình kỹ thuật sản xuất giống Nghệ trắng;  - Quy trình kỹ thuật sản xuất dược liệu Nghệ trắng theo hướng dẫn GACP-WHO;  - Giống Nghệ trắng kèm theo tiêu chuẩn cơ sở được công bố theo quy định hiện hành;  - Tiêu chuẩn cơ sở của dược liệu Nghệ trắng (có chỉ tiêu định lượng thành phần hóa học chính);  - Mô hình sản xuất giống với công suất 200.000 cây giống/năm: 3.000 m2;  - Mô hình sản xuất dược liệu Nghệ trắng: 05 ha;  - Dược liệu Nghệ trắng đạt tiêu chuẩn cơ sở: 10 tấn. | Tuyển chọn |  |